



zhē zhù

遮住

verb · to cover, to block

Example Sentences

wū yún zhē zhù le tài yáng
乌云遮住了太阳。

Dark clouds covered the sun.

tā yòng mào zi zhē zhù le liǎn
他用帽子遮住了脸。

He covered his face with a hat.

Trace each character, then write the word on your own.

遮	遮	遮	遮	遮	遮	遮	遮	遮	遮	遮
遮	遮	遮	遮	遮	遮					

住	住	住	住	住	住	住	住	住	住
